

Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Xây dựng số 1	1.120.592.609	1.120.592.609	1.120.592.609	1.120.592.609
Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam	-	-	295.567.273	295.567.273
Công ty CP Đầu tư phát triển Hà Thành	499.854.700	499.854.700	499.854.700	499.854.700
Tổng Công ty CP Đầu tư XD và TM Việt Nam	-	-	574.914.968	574.914.968
Công ty TNHH Minh Quang	288.570.000	288.570.000	288.570.000	288.570.000
Công ty CP Đầu Tư XNK Da Giầy Hà Nội	9.029.904.217	9.029.904.217	9.029.904.217	9.029.904.217
Khác	1.339.990.030	1.339.990.030	1.916.635.773	1.916.635.773
	12.278.911.556	12.278.911.556	13.726.039.540	13.726.039.540

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Năm 2019		31/12/2019
	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	2.462.446.512	6.141.777.392	8.447.354.585	156.869.319
Thuế xuất, nhập khẩu	19.675.207	-	-	19.675.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.018.557.757	-	-	4.018.557.757
Thuế thu nhập cá nhân	55.989.155	312.136.548	254.960.826	113.164.877
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	3.889.850.239	13.129.981.132	12.372.613.840	4.647.217.531
Các loại thuế khác	4.719.719.708	122.119.706	2.952.297.765	1.889.541.649
Các khoản phải nộp khác	1.490.913.345	186.147.048	1.677.060.393	-
	16.657.151.923	19.892.161.826	25.704.287.409	10.845.026.340

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	103.501.044.945	88.712.249.077
Tại Văn phòng Công ty	8.089.139.062	4.640.182.282
Tại Trung tâm Artex Hà Nội	78.818.008.948	69.352.734.943
Tại Trung tâm Thương mại và Sản xuất Bao bì Hà Nội	16.593.896.935	14.214.884.356
Tại Trung tâm Thương mại và Xuất khẩu Hà Nội	-	504.447.496
Chi phí phải trả khác	390.906.673	186.769.106
Tại Văn phòng Công ty	60.152.000	-
Tại Trung tâm Thương mại và Xuất khẩu Hà Nội	50.260.000	50.260.000
Tại Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Phú Diễn	49.285.953	109.367.900
Tại Xí nghiệp Sản xuất và Xuất nhập khẩu Thủ đô	12.412.840	12.626.206
Tại Chi nhánh Công ty CP Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội tại Hải Phòng	30.170.000	10.915.000
Tại Trung tâm Artex Hà Nội	186.525.880	2.000.000
Tại Trung tâm Thương mại và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	2.100.000	1.600.000
	103.891.951.618	88.899.018.183

17. Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải trả cổ phần hóa	11.673.533.127	11.673.533.127
Đặt cọc tiền hàng xuất nhập khẩu	-	1.233.000.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	1.346.075.392	2.025.494.941
Phải trả Hợp đồng Hợp tác đầu tư - Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang (i)	18.393.685.573	18.019.252.838
Phải trả lãi vay huy động vốn	7.909.514.601	6.047.759.642
Thu hộ tiền nhà	1.030.645.161	7.636.558.586
Phải trả ngắn hạn khác	4.192.151.709	4.047.471.738
	44.545.605.563	50.683.070.872
Dài hạn		
Nhận đặt cọc dài hạn	420.042.190	776.391.190
	420.042.190	776.391.190

- (i) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 102/VT-XNK/03 ngày 26/03/2003 và các phụ lục hợp đồng kèm theo về việc hợp tác đầu tư kinh doanh Khu thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở cao tầng để bán căn hộ tại khu đất số 102 Thái Thịnh, quận Đống Đa, Hà Nội giữa Trung tâm Thương mại và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (Chi nhánh GENEXIM thuộc Công ty CP Liên Hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội) và Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang. Tổng vốn góp đầu tư ban đầu của dự án là 216 tỷ đồng, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là mỗi bên 50%.

18. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tại Văn phòng Công ty	3.913.461.663	7.614.100.938
Tại Trung tâm Artex Hà Nội	2.433.991.825	5.038.925.131
Tại Trung tâm Thương mại và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	1.958.041.968	1.958.041.960
Tại Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Phú Diễn	-	35.636.364
	8.305.495.456	14.646.704.393
Dài hạn		
Tại Văn phòng Công ty (i)	78.894.182.034	65.918.585.724
Tại Trung tâm Artex Hà Nội (ii)	37.967.852.317	40.724.618.825
Tại Trung tâm Thương mại và Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (iii)	33.090.909.030	35.048.951.006
	149.952.943.381	141.692.155.555

- (i) Doanh thu cho thuê tòa nhà văn phòng tại địa chỉ 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội theo hợp đồng 01/UNIMEX-ARTEXPOT/2018 ngày 20/07/2018 với Công ty CP Xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ, diện tích thuê 8.743 m2 đơn giá 3.318.840.000 VND/năm trong thời gian từ 01/07/2018 đến 31/12/2052. Công ty đã nhận toàn bộ số tiền cho thuê tòa nhà này.
- (ii) (Doanh thu cho thuê văn phòng tại địa chỉ 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội theo hợp đồng số 101/HĐKT - ĐT ngày 01/03/2007 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/04/2008 với Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Đầu tư phát triển (Bên đi thuê), tổng diện tích thuê là 7.102,59 m2 trong thời gian 50 năm. Tổng giá trị hợp đồng là 68.341.637.000 VND. Tại thời điểm 01/01/2019 và 31/12/2019, số tiền Bên đi thuê chưa thanh toán cho Công ty theo điều khoản hợp đồng lần lượt là 25.064.161.714 VND và 24.564.161.714 VND (Thuyết minh số 05). Bên đi thuê có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tiền thuê nhà theo hợp đồng này theo bản xác định giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt ngày 30/09/2015. Hiện nay, khoản công nợ này đang xử lý tại Tòa án (Thuyết minh số 31).
- (iii) Doanh thu cho thuê khu thương mại tại địa chỉ 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội theo hợp đồng số 23A/2007/HĐTN ngày 08/03/2007 và các phụ lục hợp đồng kèm theo với Công ty CP Đầu tư Phát triển Hà Thành trong thời gian từ 09/03/2007 đến 06/10/2033. Tổng giá trị hợp đồng là 64,4 tỷ đồng. Trong đó, giá trị hợp đồng trong giai đoạn 1 từ 09/03/2007 đến 06/10/2033 là 56 tỷ đồng, giai đoạn 2 từ ngày 07/10/2033 đến ngày 06/10/2053 là 8,4 tỷ đồng. Công ty đã nhận toàn bộ số tiền cho thuê tòa nhà này.

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty TNHH VND	Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty CP VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	200.000.000.000	10.996.820.175	21.787.627.637	(437.313.048.228)	(204.528.600.416)
Lỗ năm trước	-	-	-	(8.897.407.788)	(8.897.407.788)
Giảm khác	-	-	-	(374.432.735)	(374.432.735)
Tại ngày 01/01/2019	200.000.000.000	10.996.820.175	21.787.627.637	(446.584.888.751)	(213.800.440.939)
Lỗ năm nay	-	-	-	(13.850.611.804)	(13.850.611.804)
Giảm khác (*)	-	-	-	(374.432.735)	(374.432.735)
Tại ngày 31/12/2019	200.000.000.000	10.996.820.175	21.787.627.637	(460.809.933.290)	(228.025.485.478)

(*) Tạm phân chia lãi hợp tác kinh doanh khu thương mại cho theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 102/VT-XNK/2003 ngày 26/3/2003 (Xem thêm Thuyết minh 17 và Thuyết minh 18).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019		31/12/2018	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	100.000.000.000	50,00%	100.000.000.000	50,00%
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	40.297.000.000	20,15%	40.297.000.000	20,15%
Ngô Văn Sơn	56.726.000.000	28,36%	56.726.000.000	28,36%
Các cổ đông khác	2.977.000.000	1,49%	2.977.000.000	1,49%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, trong đó các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.177.470.455	4.242.830.601
- Trên 1 năm đến 5 năm	6.035.954.545	14.618.929.091
- Trên 5 năm	82.369.150.673	102.800.297.508

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa chỉ các văn phòng và các chi nhánh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Tài sản nhận giữ hộ

Tại thời điểm 31/12/2019, tại Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Phú Diễn có một số lượng nguyên vật liệu, vật tư nhận gia công bao gồm các loại vải, dây khóa, dây quai, tấm nhựa, da, lưới... dùng để gia công hàng may mặc.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng	46.365.440.557	50.035.157.092
Doanh thu cho thuê bất động sản	29.983.366.455	33.746.038.763
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.970.313.959	12.085.985.231
	91.319.120.971	95.867.181.086

22. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	41.764.344.817	46.855.946.712
Giá vốn cho thuê bất động sản	7.759.029.194	6.196.382.028
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.728.714.582	7.186.967.097
	61.252.088.593	60.239.295.837

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.888.004	71.042.328
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.332	7.122.524
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	42.109.241	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	156.760.800	382.200.000
Lãi bán hàng trả chậm	336.042.466	-
	556.814.843	460.364.852

24. Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay (*)	17.844.138.857	18.396.695.369
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.490.962	12.435.535
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	451.897.875
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	843.961.715	-
	18.689.591.534	18.861.028.779

(*) Bao gồm chi phí lãi vay ước tính tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Tây Hà Nội tại Trung tâm Artex Hà Nội và Trung tâm Thương mại và Sản xuất Bao bì Hà Nội (Thuyết minh số 17 (iii),(iv)) liên quan đến các vụ kiện ra Tòa (Thuyết minh số 31) với số tiền phát sinh năm 2019 và năm 2018 lần lượt là 12.538.452.131 VND và 12.656.619.350 VND.

25. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	423.851.436	1.381.630.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	873.470.064	873.470.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.508.447.229	4.194.625.595
Chi phí bằng tiền khác	772.908.153	310.172.170
	7.578.676.882	6.759.898.560

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.766.792.615	9.050.365.275
Chi phí vật liệu quản lý	435.317.188	970.531.912
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.482.364.558	1.676.859.605
Thuế phí và lệ phí	4.399.390.485	472.462.529
Dự phòng phải thu khó đòi	(785.000.000)	(1.485.632.351)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.992.848.285	9.293.101.250
Chi phí bằng tiền khác	835.060.041	1.205.890.902
	18.126.773.172	21.183.579.122

27. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận trước thuế	(13.850.611.804)	(8.897.407.788)
Các khoản điều chỉnh tăng	926.879.808	896.447.730
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	926.879.808	896.447.730
Các khoản điều chỉnh giảm	(156.760.800)	(382.200.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(156.760.800)	(382.200.000)
Thu nhập chịu thuế	(13.080.492.796)	(8.383.160.058)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	-	-

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(13.850.611.804)	(8.897.407.788)
Các khoản điều chỉnh	374.432.735	374.432.735
- Tạm chia lãi hợp đồng hợp tác đầu tư từ lợi nhuận sau thuế	374.432.735	374.432.735
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(14.225.044.539)	(9.271.840.523)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(711)	(464)

29. Chi phí theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	963.820.124	2.002.660.801
Chi phí nhân công	12.502.725.409	14.705.966.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.488.632.202	8.820.464.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.547.283.617	15.398.391.368
Chi phí bằng tiền khác	950.994.486	462.521.425
	45.453.455.838	41.390.004.879

30. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.289.155.291	-	4.753.658.754	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.950.828.101	(360.110.608.385)	380.697.162.602	(360.905.553.783)
	375.239.983.392	(360.110.608.385)	385.450.821.356	(360.905.553.783)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			198.898.984.160	206.725.811.329
Phải trả người bán, phải trả khác			58.239.311.941	67.655.450.849
Chi phí phải trả			103.891.951.618	88.899.018.183
			361.030.247.719	363.280.280.361

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.289.155.291	-	-	2.289.155.291
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.840.219.716	-	-	12.840.219.716
	15.129.375.007	-	-	15.129.375.007
01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.753.658.754	-	-	4.753.658.754
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.806.554.217	-	-	19.806.554.217
	24.560.212.971	-	-	24.560.212.971

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2019				
Vay và nợ	183.217.176.150	15.681.808.010	-	198.898.984.160
Phải trả người bán, phải trả khác	57.819.269.751	420.042.190	-	58.239.311.941
Chi phí phải trả	103.891.951.618	-	-	103.891.951.618
	344.928.397.519	16.101.850.200	-	361.030.247.719
01/01/2019				
Vay và nợ	181.044.003.319	25.681.808.010	-	206.725.811.329
Phải trả người bán, phải trả khác	66.879.059.659	776.391.190	-	67.655.450.849
Chi phí phải trả	88.899.018.183	-	-	88.899.018.183
	336.822.081.161	26.458.199.200	-	363.280.280.361

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. Thông tin khác

Công ty đang liên quan các vụ kiện như sau:

Các vụ kiện do Công ty khởi kiện (là nguyên đơn):

Tên bị đơn	Số tiền nợ gốc (VND)	Năm khởi kiện	Lý do	Tình trạng tại 31/12/2019
Công ty CP TMDL và Đầu Tư Phát Triển	27.250.000.000	2015	Đòi bị đơn trả lại toàn bộ diện tích đã thuê liên quan đến hợp đồng số 101/HĐKT - ĐT.	Hòa giải không thành công
Công ty CP Kim Loại Mầu Bắc Hà	6.048.094.508	2015	Đòi bị đơn trả tiền nợ gốc và nợ lãi	Quyết định số 94/QĐ-CCHADS về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty Bắc Hà.
Công ty CP Phú Tường GSF	7.382.720.076	2016	Yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Xí nghiệp Thủ Đô và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng	Hiện tại Cục Thi hành án đang thực hiện việc tìm hiểu về tài sản của Công ty CP Phú Tường GSF.

Tên bị đơn	Số tiền nợ gốc (VND)	Năm khởi kiện	Lý do	Tình trạng tại 31/12/2019
Công ty CP KLM Ngọc Sơn	4.977.283.776	2018	Đề nghị bị đơn trả cho Công ty toàn bộ số tiền còn nợ chưa thanh toán liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 04/UNIMEX-NS/2011	Tòa án quận Hoàng Mai mới chỉ nhận hồ sơ, vẫn chưa ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí

Các vụ kiện Công ty đang bị kiện (là bị đơn):

Tên nguyên đơn	Số tiền nợ gốc (VND)	Năm khởi kiện	Lý do	Tình trạng tại 31/12/2019
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	18.640.823.109	2017	Khởi kiện Công ty số tiền bảo lãnh vay vốn cho Trung tâm Thương mại và sản xuất Bao bì Hà Nội liên quan đến Hợp đồng vay tại mục (iii) Thuyết minh số 13.	Chưa có phán quyết cuối cùng của Tòa án
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	92.564.385.151	2015	Yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho 2 giấy ủy quyền bảo lãnh vay vốn số 38/UQ-CT ngày 20/5/2011 với mức dư nợ tối đa 35 tỷ đồng và giấy ủy quyền vay vốn số 07/UQ-CT ngày 5/1/2012 phục vụ xuất khẩu với mức dư nợ tối đa 40 tỷ đồng, tổng số tiền gốc là 75 tỷ đồng; và yêu cầu Trung tâm Artex trả gốc và lãi vay liên quan đến các hợp đồng tại mục (ii) Thuyết minh 13.	Công ty nhận thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của Chi nhánh Artex Hà Nội và Ngân hàng nên chỉ đồng ý chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh một phần. Tính đến 31/12/2019, chưa có phán quyết cuối cùng của Tòa án.
Ngân hàng Techcombank Gia Định	18.572.327.667	2011	Yêu cầu Công ty trả số tiền nợ gốc của Hợp đồng chi tiết tại mục (vii) Thuyết minh 13.	Chưa có phán quyết cuối cùng của Tòa án.

32. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 13)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.103.596.474	1.261.696.465
	<u>1.103.596.474</u>	<u>1.261.696.465</u>

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

35. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 18 tháng 06 năm 2020.



Nguyễn Ngọc Nghị
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng

Phụ lục 01: Nợ xấu

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại quốc tế Thái Bình Dương	2.269.509.187	2.269.509.187	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: khách hàng không liên lạc được, không thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch, hồ sơ không đầy đủ, + Ngày đóng MST 17/9/2018 - Ký đối chiếu công nợ: 30/9/2013
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại quốc tế Thái Bình Dương	7.512.292.710	7.512.292.710	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: khách hàng không liên lạc được, không thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch, hồ sơ không đầy đủ, + Ngày đóng MST 17/9/2018 - Ký đối chiếu công nợ: 30/9/2013
Công ty Cổ phần TM - DV - SX An Ninh	103.265.368.960	103.257.368.960	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện tại Công ty An Ninh đang bị cơ quan CSĐT - Bộ Công An C03 điều tra, xác minh - Ký đối chiếu công nợ: 30/9/2019
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hà Nội Vàng	1.272.115.001	1.272.115.001	100%	- Năm phát sinh: 2013 - Tình trạng: Đã phá sản và bị thu hồi Giấy phép ĐKKD, - Ngày đóng MST 14/9/2015.
Công ty TNHH An Như Sơn	1.609.673.645	1.609.673.645	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động, khách hàng không liên lạc được, không thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch. - Ký đối chiếu công nợ: 31/12/2015
Công ty TNHH Kim Nam	9.230.121.768	9.120.121.768	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: Công ty đang hoạt động, khách hàng trả nợ nhỏ giọt, không hợp tác ký đối chiếu công nợ. - Ký đối chiếu công nợ: 31/12/2016.
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại dịch vụ sản xuất Long Vân	2.996.741.944	2.996.741.944	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: Công ty không còn hoạt động, đang bị Cơ quan CSĐT C03 - Bộ Công an điều tra cùng Công ty An Ninh và Công Ty Đắc Nguyên. - Ký đối chiếu công nợ: 30/9/2013.

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Công ty TNHH Sản xuất và Cơ khí Tiến Đạt	2.000.000.000	2.000.000.000	100%	- Năm phát sinh: 2007- Tình trạng: Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm khoản này và hiện tại Bà Hương đang bị tạm giam, có thư giải trình của Bà Hương ngày 16/3/2015.
Công ty TNHH Sản xuất Xốp nhựa và nhựa Thái Hà	842.256.940	810.256.940	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: NNT đang hoạt động, khách hàng trả nợ nhỏ giọt, không hợp tác ký đối chiếu công nợ. - Ký đối chiếu công nợ: 31/12/2016.
Công ty TNHH Thương mại Đắc Nguyên	61.743.703.212	61.743.703.212	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: Không còn hoạt động, đang bị cơ quan CSĐT - Bộ Công An C03 điều tra, xác minh. - Ký đối chiếu công nợ: 30/09/2019.
Công ty TNHH Thịnh Phát	7.524.241.900	7.524.241.900	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, không liên lạc được, thay đổi địa chỉ giao dịch nhưng không thông báo, không hợp tác làm việc. - Ký đối chiếu công nợ: 31/12/2017.
Xí nghiệp DVSC Bảo hành SAMSUNG	3.328.227.310	3.328.227.310	100%	- Năm phát sinh: 2007 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động. Ngày 9/11/2016 đến bà Phạm Thị Duyên-KTT khẳng định trên sổ sách của Công ty không có số dư nợ phải trả của CN ARTEX.
Công ty Cổ phần Năng lượng Đất Việt, Công ty Cổ phần Linh gas Việt Nam và Công ty Cổ phần thép Việt Thanh	6.672.798.940	6.672.798.940	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, khách hàng không trả nợ. - Ký đối chiếu công nợ: 31/12/2018
Công ty Cổ Phần Linh Gas Việt Nam	6.985.964.522	6.985.964.522	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. - Ký đối chiếu công nợ: 31/12/2018.
Xí nghiệp giấy Hợp Tiến	268.179.123	268.179.123	100%	- Năm phát sinh: 2009 - Tình trạng: Khách hàng đang hoạt động, chủ doanh nghiệp đã chết, không có thiện chí trả nợ. - Ký đối chiếu công nợ: 03/06/2016.

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Công ty Cổ phần thép Việt Thanh	14.587.724.873	14.587.724.873	100%	- Năm phát sinh: 2011- Tình trạng: Không còn hoạt động sản xuất kinh doanh.- Đang khởi kiện tại Tòa dân sự Huyện Mê Linh.- Ký đối chiếu công nợ: 31/12/2018.
Công ty Cổ phần Kim loại Màu Bắc Hà	5.678.094.508	5.678.094.508	100%	- Năm phát sinh: 2004 - Tình trạng: Không còn hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi cục thi thành án quận Hai Bà Trưng TP Hà Nội đang thi hành án và đã có Quyết định: Chưa đủ điều kiện thi hành án. - Ký đối chiếu công nợ: 30/11/2015.
Công ty TNHH XNK Mỹ nghệ Kiên Cường	7.778.843.137	7.778.843.137	100%	- Năm phát sinh: 2005 - Tình trạng: Không còn hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty Kiên Cường đang thi hành bản án 173 ngày 18/5/2016 trong một vụ án khác. - Ký đối chiếu công nợ: 31/03/2013.
Công ty TNHH XNK Mỹ nghệ Kiên Cường	20.733.344.530	20.728.344.530	100%	- Năm phát sinh: 2008 - Tình trạng: Không còn hoạt động sản xuất kinh doanh. Tòa Án ND TP HCM đã ra Bản án 173 ngày 18/5/2016 (án đã có hiệu lực pháp luật).
Công ty LD Kỹ nghệ gỗ Hàn Việt	716.897	716.897	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Có liên quan đến Ông Nhã - Nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Phát sinh từ lâu, Không có hồ sơ chỉ theo dõi trên sổ kế toán.
Công ty TNHH Hoàng Đông	325.564.520	325.564.520	100%	- Phát sinh trước năm: 2004 - Tình trạng: Khách hàng đã bỏ trốn. Chi nhánh HCM đã gửi đơn cho Công an An ninh Kinh tế TP, Hà Nội nhưng vẫn chưa giải quyết được. - Không có hồ sơ bàn giao.
Công ty TNHH Ngọc Dũng	73.877.440	73.877.440	100%	- Phát sinh trước năm: 2004 - Đây là khoản nợ không tồn tại do CN HCM nhập khẩu nhiều lô hàng bán cho Công ty Ngọc Dũng. Giám đốc Công ty Ngọc Dũng đã dùng nhà của mình làm tài sản thế chấp cho khoản nợ với CN. Nợ vay Ngân hàng đã được trả hết, tài sản đã được ngân hàng giải chấp trả lại cho Công ty Ngọc Dũng nhưng

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
				kế toán vẫn để số dư trên sổ sách.
Công ty TNHH R.N.E.T	3.693.600	3.693.600	100%	- Năm phát sinh trước 2004- Có liên quan đến Ông Nguyễn Mạnh Tiến - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh.- Phát sinh từ lâu, Không có hồ sơ chỉ theo dõi trên sổ kế toán.
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phan Lê	421.740.165	421.740.165	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất Hóa đơn và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán.
Cơ sở Tám Anh	66.353.302	66.353.302	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán.
Cửa hàng phụ tùng Ô tô Tâm Thủy	234.167.181	234.167.181	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán.
Doanh nghiệp tư nhân Thơ Phượng	75.042.301	75.042.301	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán.

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
HTX Vận Tài Số 9	161.298.675	161.298.675	100%	- Năm phát sinh trước 2006- Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán.
Hà Quốc Hùng	4.427.132	4.427.132	100%	- Năm phát sinh trước 2006 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán.
Phạm Đình Cường	59.757.132	59.757.132	100%	- Năm phát sinh trước 2004 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán.
Xí nghiệp KD VT & TB Phụ Tùng số 7	61.142.906	61.142.906	100%	- Năm phát sinh trước 2008 - Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán.
Đoàn Thị Hiền	120.000.000	120.000.000	100%	- Có liên quan đến Ông Nguyễn Mạnh Tiến - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Phát sinh từ lâu, không có hồ sơ chỉ theo dõi trên sổ kế toán.
Công ty TNHH MTV ĐT và PTNN Hà Nội	306.108.613	306.108.613	100%	- Năm 2013 XN Phú diễn ký hợp đồng cho Cty HADICO thuê nhà và mặt bằng để làm chợ tạm Cầu Diễn.

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
				- Hiện tại DN đã ngừng hoạt động
Tôn Thất Tài	76.125.000	76.125.000	100%	- Đây là khoản công nợ không có thật, theo Ông Tùng thì đây là hoạt động ủy thác của Chi nhánh, Chi nhánh đã xuất HĐ và thu phí. Số dư công nợ chỉ là số liệu trên sổ sách do kế toán hạch toán, không có hồ sơ, do các nghiệp vụ kinh tế xảy ra nên chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán.
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	4.033.759.615	4.033.759.615	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: không còn hoạt động sản xuất kinh doanh, không liên lạc được, không ký đối chiếu công nợ, không hợp tác làm việc. + Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh. + Đã khởi kiện ra Tòa Hoàng Mai, nhưng Tòa chưa thụ lý.
Công ty Cổ phần An Ty	1.776.862.587	1.776.862.587	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: Không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký. + Không ký đối chiếu công nợ, không hợp tác làm việc. + Đã đưa ra cơ quan công an PC45 năm 2013. - Ký đối chiếu công nợ: 06/02/2013.
Công ty TNHH Đầu tư - Sản xuất An Phú	5.557.513.096	5.557.513.096	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: đã ngừng hoạt động. + Đóng MST: 14/01/2015. + Không ký đối chiếu công nợ, không hợp tác làm việc. + Đã đưa ra cơ quan công an PC45 năm 2013. - Ký đối chiếu công nợ: 06/02/2013.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hoàng Mai	1.042.838.243	1.042.838.243	100%	- Năm phát sinh 2012 - Chuyển đổi tượng nợ từ Bùi Tuấn Long (832.470.594 đ) và Lê Quang Tiến (210.367.649 đ) sang Cty Hoàng Mai theo Tờ trình ngày 27/8/2018 của các phòng quản lý (đã được phê duyệt).
Công ty Cổ phần TM Du lịch và Đầu tư phát triển	25.064.161.714	24.564.161.714	100%	- Công nợ quá hạn liên quan đến Hợp đồng số 101/HĐKT - ĐT ngày 01/03/2007 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/04/2008 tổng diện tích thuê là 7.102,59 m2 trong

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
				thời gian 50 năm đã quá hạn thanh toán.
Công ty TNHH Lam Giang	51.365.275	51.365.275	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động. + Đóng MST: 29/3/2017 - Ký đối chiếu công nợ: 31/12/2018.
Cty TNHH TM Kim Ninh Bằng Tường Quảng Tây Trung Quốc	236.369.220	236.369.220	100%	- Năm phát sinh: 2014.- Đây là khách hàng tại Trung Quốc.- Không liên lạc được, không ký đối chiếu công nợ.
Công ty Cổ phần Phú Tường GSF	9.164.166.347	9.164.166.347	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: Đã khởi kiện ra Tòa và đã có bản án. + Công ty đã đóng cửa. + Hiện nay chưa thi hành án được.
Công ty Cổ phần Thép Thuận Phát	5.579.162.433	5.579.162.433	100%	- Năm Phát sinh: 2012. - Tình trạng: Không hợp tác làm việc, không ký đối chiếu công nợ, Công ty đang tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn. - Ký đối chiếu công nợ: 30/06/2015.
Công ty TNHH Lam Giang	517.189.800	517.189.800	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Tình trạng: Đã ngừng hoạt động. + Đóng MST ngày 29/3/2017 - Ký đối chiếu công nợ: 31/12/2018.
Bùi Tuấn Long	153.728.266	153.728.266	100%	- Năm phát sinh 2013 - Chuyển đổi tượng nợ sang Công ty Hoàng Mai số tiền 832.470.594 VND theo Tờ trình ngày 27/8/2018 của các phòng quản lý (đã được phê duyệt). Số tiền còn lại 153.728.266 VND là số nợ ông Long chịu trách nhiệm do liên quan đến hàng tồn kho của Công ty Việt Á.
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch và Đầu tư phát triển	7.417.108.855	7.417.108.855	100%	- Đây là khoản tiền lãi phát sinh thuê nhà 5 tầng 172 Ngọc Khánh - Năm phát sinh: 2010 - Tình trạng: Đang hoạt động, tiền gốc của việc thuê nhà chưa thanh toán hết, đang còn nợ 23 tỷ đồng. - Ký đối chiếu công nợ: theo biên bản ngày 15/11/2016.

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Công ty TNHH Minh Quang	1.172.890.397	1.172.890.397	100%	- Năm phát sinh: 2012 - Tình trạng: Đã dừng hoạt động sản xuất kinh doanh. Không ký đối chiếu công nợ, không hợp tác làm việc. - Đây là khoản công nợ có liên quan ông Ngô Thành Nam - Giám đốc XI Nghiệp Thủ Đô. Theo giải trình của Ông Nam đây là khoản lãi phát sinh nhưng không cung cấp được chứng từ kèm theo.
Hàng Sẵn lát	23.406.000.000	23.406.000.000	100%	- Năm phát sinh 2012 - Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm nhưng hiện tại đang bị giam 8 năm trong vụ án hàng sẵn lát 11.400.000.000 đồng. (theo bản án 380 ngày 23/11/2019)
Ngô Thành Nam	1.823.750.000	1.823.750.000	100%	- Năm phát sinh 2013 - Đây là khoản nợ cá nhân. Theo giải trình của Ông Nam thì đây là các khoản nợ của Công ty Minh Quang không xác nhận được nên đã ký giải trình nhận nợ thành công nợ cá nhân nếu không thu hồi được. - Ký đối chiếu: 31/12/2018.
Trần Thị Lan Hương	19.345.200.000	19.345.200.000	100%	- Năm phát sinh 2013 - Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm nhưng hiện tại đang bị giam 8 năm trong vụ án hàng sẵn lát 11.400.000.000 đồng. (theo bản án 380 ngày 23/11/2019)
Trần Thị Lan Hương	2.445.109.418	2.445.109.418		
Trần Thị Lan Hương	2.957.068.800	2.957.068.800		
Trần Thị Lan Hương	347.263.600	347.263.600		
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại quốc tế Đông Dương	1.345.034.140	1.345.034.140	100%	- Năm phát sinh: 2011 - Công ty Đông Dương, Invescom xác nhận công nợ tại bên bản làm việc ngày 14/11/2016. - Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm nhưng hiện tại đang bị giam 8 năm trong vụ án hàng sẵn lát 11.400.000.000 đồng. (theo bản án 380 ngày 23/11/2019)
Công ty Cổ phần đầu tư INVESTCOM	311.875.000	311.875.000	100%	- Năm phát sinh: 2013 - Công ty Đông Dương, Invescom xác nhận công nợ tại bên bản làm việc ngày 14/11/2016. - Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm nhưng hiện

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
				tại đang bị giam 8 năm trong vụ án hàng sắn lát 11.400.000.000 đồng. (theo bản án 380 ngày 23/11/2019).
Công ty TNHH Mai Oanh	1.500.000.000	1.500.000.000	100%	- Năm phát sinh 2011 - Chị Trần Thị Lan Hương chịu trách nhiệm nhưng hiện tại đang bị giam 8 năm trong vụ án hàng sắn lát 11.400.000.000 đồng. (theo bản án 380 ngày 23/11/2019)
Công ty TNHH Thiện Ân	1.164.239.435	1.164.239.435	100%	- Năm phát sinh: 2010- Tra cứu trên cổng thông tin 25/8/2019 : DN ko hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; chưa đóng MST;- Tuy nhiên khách hàng vẫn sản xuất gia công hạt điều xuất khẩu với tên Công ty Lê Gia, - Khách hàng không thừa nhận số nợ gốc.- Khách hàng ký đối chiếu công nợ đến 3/6/2016.
Công ty TNHH Kim khí Thái Bình Dương	258.696.164	128.696.164	100%	- Năm phát sinh: 2010 - DN vẫn đang hoạt động - Hàng tháng DN vẫn trả 10-20 triệu/ tháng
Nguyễn Ngọc Tú	22.500.000	22.500.000	100%	- Phát sinh năm 2014-2015: là tiền thuê mặt bằng
Phạm Tuấn Thiện	44.800.000	44.800.000	100%	- Phát sinh từ 2014, với nội dung là tiền điện, nước của đơn vị thuê kho tại Hải Phòng. Hiện Công ty không liên lạc được với khách hàng
Công ty TNHH An Điền	89.114.747	89.114.747	100%	- Phát sinh từ 2008, tiền điện nước tại 102 Thái Thịnh. Hiện không liên lạc được với khách hàng
Đỗ Hữu Khai	158.490.032	158.490.032	100%	- Phát sinh từ 2005, CBCNV đã nghỉ việc
Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và hàng hoá XNK	15.487.699	15.487.699	100%	- Đây là khoản công nợ liên quan đến ông Hà Tiểu Long - Nguyên PGĐ chi nhánh HCM - Ông Long đang thụ lý 12 năm tù từ năm 2013 trong một vụ án khác. - Không có hồ sơ
Công ty Hải Nam	39.224.964	39.224.964	100%	- Có liên quan đến Ông Nguyễn Mạnh Tiến - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Phát sinh từ lâu, Không có hồ sơ chỉ theo dõi trên sổ kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
				toán AVA 10/11/2016)
Công ty Đức Tùng	328.914.521	328.914.521	100%	- Năm phát sinh: 2005 - Số hàng hóa thiếu hụt trong kho được Công ty tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA) năm 2007 ghi nhận: Biên bản kiểm kê hàng hóa hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2007 không còn lượng hàng trên. Báo cáo kiểm kê hàng tồn kho chỉ thể hiện giá trị chứ không thể hiện mặt hiện vật (số lượng) hàng tồn kho cũng như đánh giá tình trạng thực tế của hàng tồn kho tại thời điểm kiểm kê".
Ngân hàng NNo & PTNT Chi nhánh 4 - TP.HCM	10.589.198	10.589.198	100%	- Chênh lệch số dư tài khoản ngân hàng.- Đến thời điểm hiện tại thì số dư tài khoản tại Ngân hàng đã được tất toán và số dư bằng 0 đồng từ năm 2009 nhưng trên sổ sách kế toán chưa được xử lý phần chênh lệch 10.589.198 đồng.
Trần Đức Tùng	3.106.486	3.106.486	100%	- Phát sinh năm 2007 - Đây là tiền bảo hiểm của ông Trần Đức Tùng nguyên Giám đốc CN Hồ Chí Minh - hiện đã tự ý nghỉ việc.
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch Vụ Công nghệ Hà Nội	14.945.398	14.945.398	100%	- Phát sinh năm 2011 - Doanh nghiệp đã ngừng hoạt động
Công ty Hải Nam	12.521.695	12.521.695	100%	- Có liên quan đến Ông Nguyễn Mạnh Tiến - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Phát sinh từ lâu, Không có hồ sơ chỉ theo dõi trên sổ kế toán. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Công ty LD Kỹ Nghệ Gỗ Hàn Việt	89.328.180	89.328.180	100%	- Có liên quan đến Ông Nhã - nguyên PGĐ CN Hồ Chí Minh. - Phát sinh năm 2005 (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)

Tên khách hàng	Số trích lập tại 01/01/2019	Số trích lập tại 31/12/2019	Tỷ lệ dự phòng	Lý do, trình trạng nợ
Công ty Luật TNHH Đê Xanh	10.000.000	10.000.000	100%	- Năm phát sinh: 2008 - Đây là khoản nợ liên quan đến việc làm thủ tục chuyển đổi số nhà 53 Phan Đình Phùng từ sổ trắng sang sổ hồng theo HĐ thuê tư vấn dịch vụ pháp lý. HĐ chưa thanh lý. (theo giải trình của anh Trần Đức Tùng với Công ty Kiểm toán AVA 10/11/2016)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Dịch vụ H&A	29.020.000	29.020.000	100%	- Năm phát sinh: 2017 - Hiện không liên lạc được với khách hàng, tiền thuê địa điểm tại 201 Khâm Thiên
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Nguyễn Thành	21.185.200	21.185.200	100%	- Năm phát sinh: 2016 - Hiện không liên lạc được với khách hàng, tiền thuê địa điểm tại Kiều Ky
Kiều Ngọc Yến	56.567.025	56.567.025	100%	- Khoản cho CBCNV tạm ứng từ năm 2015, CBCNV đã nghỉ việc
Trần Đức Tùng	122.907.842	122.907.842	100%	- Công nợ phát sinh năm 2009, hiện cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc
Hà Tiêu Long	42.624.297	42.624.297	100%	- Phát sinh năm 2008. Hiện ông Long đang thi hành án
Tổng	386.071.896.763	385.286.896.763		

Y
C
TO.